

Số: 2465/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 15 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, ngành;
UBND các huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Quảng Nam năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Số:.....
ĐẾN Ngày 13/12/23
Chuyển:.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh về ban hành Đề án đánh giá chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố (DDCI) và nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về cải thiện Chỉ số PCI, DDCI tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt Bộ chỉ số và phân loại Phiếu khảo sát đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố - DDCI Quảng Nam 2023;

Theo thống nhất của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 13/11/2023; đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 174/TTr-SKHĐT ngày 07/11/2023 (kèm theo Báo cáo đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Quảng Nam năm 2023 của Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Đà Nẵng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Quảng Nam năm 2023.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp với Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Đà Nẵng tổ chức công bố kết quả đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh Quảng Nam năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

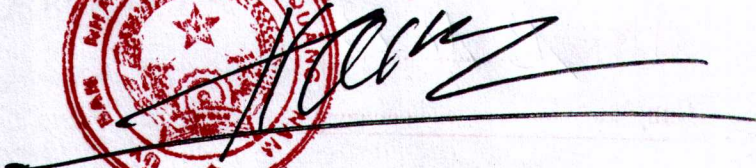
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Liên đoàn TM&CN Việt Nam (VCCI);
VCCI chi nhánh Đà Nẵng;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH Quảng Nam;
- Hiệp hội Doanh nghiệp, Hiệp hội Du lịch tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX, NCKS, KTN, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH




Hồ Quang Bửu

Phụ lục
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ,
BAN, NGÀNH; UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (DDCI)
TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 15/11/2023
của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Kết quả đánh giá DDCI khối Sở, Ban, ngành

TT	Tên đơn vị	Điểm tổng hợp	Xếp hạng	Nhóm
1	Cục Hải quan tỉnh	74.62	1	Rất tốt
2	Sở Tư pháp	74.11	2	Rất tốt
3	Sở Công Thương	71.21	3	Tốt
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	70.59	4	Tốt
5	Bảo hiểm xã hội tỉnh	69.95	5	Tốt
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	69.73	6	Tốt
7	Sở Ngoại vụ	68.74	7	Tốt
8	Sở Thông tin và Truyền thông	67.62	8	Tốt
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	66.16	9	Tốt
10	Sở Khoa học và Công nghệ	66.04	10	Tốt
11	Cục Thuế tỉnh	65.74	11	Tốt
12	Sở Y tế	65.33	12	Khá
13	Văn phòng UBND tỉnh	65.18	13	Khá
14	Thanh tra tỉnh	64.94	14	Khá
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	63.64	15	Khá
16	Ban quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	63.15	16	Khá
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	62.49	17	Khá
18	Sở Tài chính	62.29	18	Khá



19	Công an tỉnh	61.16	19	Khá
20	Sở Giao thông vận tải	57.56	20	Trung bình
21	Sở Xây dựng	54.93	21	Trung bình
22	Sở Tài nguyên và Môi trường	53.78	22	Tương đối thấp

2. Kết quả đánh giá DDCI khối các địa phương

TT	Tên đơn vị	Điểm tổng hợp	Xếp hạng	Nhóm
1	UBND huyện Đại Lộc	71.72	1	Rất tốt
2	UBND huyện Quế Sơn	71.21	2	Rất tốt
3	UBND huyện Bắc Trà My	69.06	3	Rất tốt
4	UBND huyện Hiệp Đức	68.15	4	Rất tốt
5	UBND thành phố Tam Kỳ	67.40	5	Tốt
6	UBND huyện Phước Sơn	67.15	6	Tốt
7	UBND huyện Nam Trà My	66.74	7	Tốt
8	UBND huyện Phú Ninh	65.01	8	Tốt
9	UBND huyện Thăng Bình	61.23	9	Tốt
10	UBND huyện Tiên Phước	60.60	10	Khá
11	UBND huyện Nam Giang	60.32	11	Khá
12	UBND huyện Núi Thành	57.92	12	Khá
13	UBND huyện Tây Giang	56.15	13	Khá
14	UBND thành phố Hội An	56.13	14	Khá
15	UBND huyện Nông Sơn	55.76	15	Khá
16	UBND thị xã Điện Bàn	54.70	16	Khá
17	UBND huyện Duy Xuyên	52.64	17	Trung bình
18	UBND huyện Đông Giang	50.69	18	Trung bình